

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024- 2025**  
**LỚP MẪU GIÁO BÉ**

**I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG**

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
<b>1. Lĩnh vực phát triển thể chất</b>			
<i>a, Phát triển vận động</i>			
<i>* Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.</i>			
1	- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hô hấp: Hít vào, thở ra</li> <li>- Tay: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên. - 1,7.</li> <li>+ Hai tay đưa sang ngang, đưa lên cao. - 2,8</li> <li>+ Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực đưa lên cao. - 3,9.</li> <li>+ Hai tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau. - 4,10</li> <li>+ Co duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - 5</li> <li>+ Từng tay đưa lên cao, hai tay dang ngang - 6</li> </ul> </li> <li>- Lưng, bụng, lườn <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cúi về phía trước. - 1,6,.</li> <li>+ Quay sang trái, sang phải - 2,7</li> <li>+ Nghiêng người sang trái, sang phải. - 3,8,</li> <li>+ Đứng cúi về trước, ngả người ra sau. - 4,9</li> <li>+ Đứng nghiêng người sang bên, kết hợp tay đưa cao hoặc đặt sau gáy. - 5,10</li> </ul> </li> <li>- Chân: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đứng khuyu gối. - 1,8</li> <li>+ Bật tách chụm chân tại chỗ - 2,9</li> <li>+ Bước lên phía trước, bước sang ngang; - 3,10</li> <li>+ Ngồi xỏm, đứng lên. - 4</li> <li>+ Co duỗi chân. - 5</li> <li>+ Đứng nâng cao chân, gập gối. - 6</li> <li>+ Bật lên phía trước, lùi lại, sang bên - 7</li> </ul> </li> </ul>	
<i>* Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động.</i>			

2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</li> <li>+ Trẻ biết đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m).</li> <li>+ Trẻ biết đi kiềng gót liên tục 3m.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đi kiềng gót</li> <li>+ Đi trong đường hẹp.</li> <li>+ Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1, 3.</li> <li>- 6, 8</li> <li>- 8.</li> </ul>
3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ kiểm soát được vận động:</li> <li>+ Trẻ biết đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.</li> <li>+ Trẻ biết chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh</li> <li>+ Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc</li> <li>+ Đi theo đường dích dắc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2, 3</li> <li>- 7, 9</li> <li>- 5</li> </ul>
4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động:</li> <li>+ Trẻ biết tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m).</li> <li>+ Trẻ có khả năng tự đập – bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lăn, đập, tung bắt bóng với cô.</li> <li>+ Chuyên bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2,3,5,7,10</li> <li>- 6,10</li> </ul>
5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thể hiện sự nhanh nhẹn khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</li> <li>+ Trẻ chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.</li> <li>+ Trẻ biết ném trúng đích ngang (xa 1,5m).</li> <li>+ Trẻ biết bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ném xa bằng 1 tay.</li> <li>+ Ném xa bằng 2 tay</li> <li>+ Ném trúng đích bằng 1 tay.</li> <li>+ Bật nhảy tại chỗ</li> <li>+ Bật tiến về phía trước.</li> <li>+ Bật xa 25cm.</li> <li>+ Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc.</li> <li>+ Bò chui qua cổng.</li> <li>+ Trườn chui qua cổng.</li> <li>+ Bước lên, xuống bục cao 30 cm.</li> <li>+ Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 4,5</li> <li>- 9,10</li> <li>- 5,6</li> <li>- 1,2,7</li> <li>- 4,6</li> <li>- 8,10</li> <li>- 1,2,4,5,8</li> <li>- 3</li> <li>- 9</li> <li>- 7,8</li> <li>- 4</li> </ul>
* Thực hiện và phối hợp các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt			
6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thực hiện các vận động:</li> <li>+ Trẻ biết xoay tròn cổ tay.</li> <li>+ Trẻ biết gập đan các ngón tay vào nhau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1-&gt;5</li> </ul>
7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.</li> <li>+ Vẽ được hình tròn theo mẫu.</li> <li>+ Biết cắt thẳng được một đoạn 10 cm.</li> <li>+ Xếp chồng 8-10 khối không</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đan tết.</li> <li>- Tô vẽ nghệch ngoạc</li> <li>- Xé dán giấy</li> <li>- Sử dụng kéo bút</li> <li>- Xếp chồng các hình khối khác nhau</li> <li>- Cài, cởi cúc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1-&gt;10</li> </ul>

	đồ. + Tự cài, cời cúc.		
<i>b. Giáo dục dinh dưỡng</i>			
<i>* Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.</i>			
8	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc.	- 2,3,4,5,6,7.
9	- Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau.	- Nhận biết một món ăn quen thuộc.	- 3,5,6,7,10
10	- Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	- 2,3,4,5
11	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ	- 1,4,7,10
<i>2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.</i>			
12	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn + Trẻ biết rửa tay, lau mặt, súc miệng + Trẻ biết tháo tất, cời quần, áo...	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân.	- 1->10
13	- Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Sử dụng bát thìa cốc đúng cách.	- 1->4
<i>* Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>			
14	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	- Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	- 1-> 10
15	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Trẻ chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con	- 1,2,3,9.

	áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học + Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu	người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, - <i>Bảo vệ sức khỏe an toàn khi thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường.</i>	
<b>* Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</b>			
16	- Trẻ nhận ra và phòng tránh một số vật dụng nguy hiểm (Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - <i>Không nghịch dao, kéo, không sờ nghịch vào các loại thuốc trừ cỏ, trừ sâu</i>	- 1,2,3,4,5,9
17	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng. - <i>Nhận biết một số nơi nguy hiểm ở địa phương: suối, bể chứa.....</i>	- 1,3,7,9
18	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống, hoặc khi ăn các loại quả có hạt. + Không tự lấy thuốc uống + Không leo trèo bàn ghế lan can + Không nghịch các vật sắc nhọn + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng. - <i>Không làm những hành động có thể gây nguy hiểm: không được trèo cây, tắm suối, nhét các hạt hạt vào tai, mũi và nghịch các vật sắc nhọn, không theo người lạ.</i> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ	- 1->5
<b>2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.</b>			
<b>a. Khám phá khoa học</b>			
<b>* Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng.</b>			
19	- Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- 1->10
20	- Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	- 2

	ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi với trẻ.</li> <li>- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</li> <li>- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.</li> <li>- Cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây ăn gửi.</li> <li>- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.</li> <li>- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày</li> <li>- Một số nguồn sáng trong sinh hoạt hàng ngày</li> <li>- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1,3.</li> <li>- 8</li> <li>- 5,7</li> <li>- 5,7</li> <li>- 9</li> <li>- 9</li> <li>- 9</li> <li>- 9</li> </ul>
21	- Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để biết được các vật chìm hay nổi.	- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng	- 1-> 10
22	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng...	- 1-> 10
23	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi</li> <li>- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</li> <li>- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1,3</li> <li>- 8</li> <li>- 5,7</li> </ul>
24	<b><i>- Trẻ biết quan sát, khám phá, làm thí nghiệm về đối tượng (S).</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b><i>- Yêu thích khám phá, tìm hiểu các sự vật, hiện tượng xung quanh.</i></b></li> <li><b><i>- Có khả năng quan sát, ghi chú, ghi nhớ có chủ ý.</i></b></li> </ul>	- 5,8
25	<b><i>- Trẻ lựa chọn được các phương tiện, thiết bị, thao tác</i></b>	<b><i>- Lựa chọn được các phương tiện, thiết bị, thao</i></b>	- 5,8

	<i>nhận thức để khám phá, tìm hiểu về đối tượng (T).</i>	<i>tác nhận thức để khám phá, tìm hiểu về đối tượng.</i>	
26	- Trẻ thực hiện được quy trình nghiên cứu/tìm hiểu/quan sát/khám phá/thử nghiệm...(E).	- Có kỹ năng thực hiện thí nghiệm đơn giản.	- 5,8
<i>* Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</i>			
27	- Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng khi được hỏi. Trẻ có hiểu biết về phòng tránh thiên tai	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người. - Sự ô nhiễm nguồn nước. - Cách bảo vệ nguồn nước - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Tên gọi, dấu hiệu rõ nét các loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương, hậu quả và cách ứng xử khi có thiên tai	- 5,7. - 9 - 9 - 9 - 9 - 9
<i>* Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</i>			
28	- Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi với trẻ. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	- 1,3 - 8 - 5,7 - 9
29	- Trẻ thể hiện được một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Biểu lộ cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi	- 1->10
30	- Trẻ nêu được.../kể được.../ mô tả được chất đặc điểm của vấn đề khám phá/ quan sát/nghiên cứu/ thử nghiệm.... (S)	- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (hành động, lời nói, hình ảnh)	- 5,8
31	- Trẻ nêu được các đồ dùng, công cụ để khám phá/ quan	- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác	- 5,8

	<i>sát/nghiên cứu/thử nghiệm (...) thực hiện thí nghiệm với đối tượng (T)</i>	<i>nhau (hành động, lời nói, hình ảnh)</i>	
32	- Trẻ nêu được quá trình/các bước thực hiện cơ bản, sử dụng các dụng cụ và nguyên vật liệu...để tạo ra sản phẩm (E)	- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (hành động, lời nói, hình ảnh)	- 5,8
<b>b. Làm quen với toán.</b>			
<i>* Trẻ nhận biết được số đếm, số lượng</i>			
33	- Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Một và nhiều	- 1->10  - 1
34	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	- 4,5,8,9,10
35	- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- 10
36	- Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.	- 4,5,8,9
37	- Trẻ biết tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	- Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	- 4,5,8,9
<i>* Sắp xếp theo quy tắc</i>			
38	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - Xếp xen kẽ.	-1,3,8
<i>* So sánh hai đối tượng.</i>			
39	- Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn / nhỏ hơn; dài hơn / ngắn hơn; cao hơn / thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước	- 3,7
<i>* Nhận biết hình dạng.</i>			
40	- Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế - Sử dụng các hình học để ghép	- 6  - 7->10

<i>* Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.</i>			
41	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên – phía dưới – phía trước – phía sau, - Nhận biết tay phải – tay trái của bản thân.	- 2 - 2
42	<b>- Trẻ nêu/trình bày được các biểu tượng toán học có liên quan đến nội dung hoạt động.(M)</b>	<b>- Có những hiểu biết cơ bản về một số khái niệm toán sơ đẳng.</b>	- 5,8
43	<b>- Trẻ nhận biết và phân biệt được đối tượng..., số lượng...; vị trí của đối tượng (M)</b>	<b>- Có những hiểu biết cơ bản về một số khái niệm toán sơ đẳng.</b> <b>- Có khả năng sử dụng và phối hợp các giác quan và vận động, vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian</b>	- 5,8
44	<b>- Trẻ xác định được chiều cao của đối tượng..., số lượng..; vị trí của đối tượng... so sánh với tiêu chí ban đầu (M).</b>	<b>- Có những hiểu biết cơ bản về một số khái niệm toán sơ đẳng.</b> <b>- Có khả năng sử dụng và phối hợp các giác quan và vận động, vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian</b>	- 5,8
<b>c. Khám phá xã hội</b>			
<i>* Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</i>			
45	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. <i>Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về giới và bình đẳng giới.</i>	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân <i>Có một số hiểu biết ban đầu về giới và bình đẳng giới.</i>	- 2.
46	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- 3.
47	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Địa chỉ gia đình	- 3.
48	- Trẻ nói được tên trường / lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường	- 1.
<i>* Nhận biết 1 số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.</i>			
49	- Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	- 4.



	tranh.		
<i>* Nhận biết 1 số lễ hội và danh lam thắng cảnh.</i>			
50	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Ngày lễ hội của địa phương	- 1, 2,4,5,6, 7,10
51	- Trẻ biết kể tên 1 vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh của địa phương. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước. - Yêu quý, bảo vệ danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử.	- 10
<b>3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ</b>			
<i>* Nghe hiểu lời nói</i>			
52	- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản	- 1-> 10
53	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát, gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	- 1->10.
54	- Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp độ tuổi. - Nghe hiểu các bài hát bài thơ, đồng dao, ca dao phù hợp với độ tuổi.	- 1 ->10
<i>* Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</i>			
55	- Trẻ nói được rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng việt - Trả lời và đặt các câu hỏi "Ai? "; "Cái gì?" "Ở đâu? "; "Khi nào?"	- 1->10
56	- Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ	- 1->10
57	- Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng.	- 1->10
58	- Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại sự việc.	- 1-> 10
59	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao,	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao,	- 1->10

	đồng dao.	tục ngữ, hò vè	
60	- Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của câu chuyện đã được nghe	- 1->10
61	- Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên	- 5, 8, 10.
62	- Trẻ biết sử dụng các từ: “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa”...trong giao tiếp.	- Sử dụng được các từ biểu thị sự lễ phép.	- 1->10
63	- Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	- 5->10

*\* Làm quen với việc đọc – viết*

64	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Tiếp xúc với chữ, sách truyện - Làm quen với cách đọc tiếng việt + Hướng đọc viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh - Giữ gìn sách	- 1->10
65	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ) - Biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- 1->10
66	- Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách viết tiếng việt. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu	- 1->10

**4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội**

*\* Thể hiện ý thức về bản thân*

67	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính.	- 2.
68	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.	- 2.

*\* Thể hiện sự tự tin, tự lực.*

69	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào	- Mạnh dạn tham gia vào các	
----	-----------------------------	-----------------------------	--

	các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- 4 ->10
70	- Trẻ cố gắng thực hiện công việc được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...).	- Cố gắng thực hiện các công việc được giao.	- 1-> 10
<i>* Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.</i>			
71	- Trẻ nhận ra được cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, lời nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	- 1->10.
72	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động	- 1->10
73	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ. Trẻ học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh	- Kính yêu Bác Hồ Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh	- 10
74	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh về Bác Hồ.	- Kể chuyện, hát, đọc thơ xem tranh ảnh về Bác.	- 10
75	<b>- Trẻ hứng thú, yêu thích hoạt động; Chăm chú tập trung, cố gắng thực hiện hoạt động; Chủ động phối hợp với bạn để thực hiện hoạt động.</b>	<b>- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động STEM; có ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường, yêu thương con người, động thực vật và không gian sống xung quanh.</b>	- 5,8
76	<b>- Trẻ yêu thích hoạt động; chăm chú, tập trung, cố gắng thực hiện hoạt động; chủ động phối hợp với bạn bè để thực hiện hoạt động; giữ gìn sản phẩm, tiết kiệm nguyên vật liệu,...</b>	<b>- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động STEM; có ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường, yêu thương con người, động thực vật và không gian sống xung quanh.</b>	- 5,8
<i>* Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</i>			
77	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình ( để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ) - Yêu mến bố mẹ, anh chị em ruột. - Chơi hòa thuận với bạn	- 1-> 10
78	- Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn) - Nhận biết hành vi "đúng"-	- 1->10

		”sai” ”tốt” – ” xấu”	
79	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- 1->10
80	- Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chờ đến lượt	- 1->10
<b>* Quan tâm đến môi trường</b>			
81	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối	- 5,7
82	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường	- 1->10
<b>5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ</b>			
<b>* Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</b>			
83	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	- 1->10
84	- Trẻ chú ý nghe thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (Nhạc thiếu nhi, dân ca)	1->10
85	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật ( Về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật. - Nhận xét sản phẩm tạo hình	- 1->10
86	- <i>Trẻ nhận ra vẻ đẹp /sự hài hoà cân đối.... của đối tượng.(A)</i>	- <i>Có khả năng cảm nhận về đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong một số hiện tượng thí nghiệm, sản phẩm chế tạo</i>	- 5,8
87	- <i>Thể hiện được cái đẹp trong ngôn ngữ, quá trình thực hiện và kết quả/sản phẩm hoạt động (A)</i>	- <i>Có khả năng cảm nhận về đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong một số hiện tượng thí nghiệm, sản phẩm chế tạo</i>	- 5,8

88	- Trẻ thể hiện được ý kiến cá nhân bằng lời nói về cái đẹp/sự hài hoà cân đối...của đối tượng thiết kế/sáng tạo/...(A)	- Có khả năng cảm nhận về đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong một số hiện tượng thí nghiệm, sản phẩm chế tạo	- 5,8
<i>* Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</i>			
89	- Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát	- 1->10
90	- Trẻ biết vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp	- 1->10
91	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm	- 1-> 10
92	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản	- 1->10
93	- Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé để tạo ra sản phẩm đơn giản	- 1->10
94	- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản	- 1-> 10
95	- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản	- 1-> 10
96	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình	- 1-> 10
<i>* Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</i>			
97	- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- 1->10
98	- Trẻ tạo ra được các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích	- 5->10
99	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình	- 1->10
100	- Trẻ nêu được./kể được../mô tả được../giải thích được tính chất đặc điểm của...(S)	- Diễn đạt rõ ràng các câu hỏi/câu trả lời liên quan đến khoa học/kỹ thuật bằng ngôn ngữ đơn giản và bằng nhiều cách khác nhau.	- 5,8
101	- Trẻ nêu/kể được các đồ dùng, công cụ, nguyên vật liệu	- Có những hiểu biết cơ bản về con người, sự vật, hiện	- 5,8

	<i>dùng để thiết kế.../sáng tạo.../chế tạo.../làm....(T)</i>	<i>tượng xung quanh.</i>	
102	<i>- Trẻ trình bày được các bước để thiết kế.../sáng tạo.../chế tạo.../làm... (E)</i>	<i>- Có khả năng nghe và tóm tắt hoặc trình bày lại đoạn thông tin khoa học ngắn</i>	- 5,8
103	<i>-Trẻ lựa chọn được đồ dùng, công cụ, nguyên vật liệu để thiết kế.../sáng tạo.../chế tạo.../làm; phù hợp với nội dung hoạt động (T).</i>	<i>- Có kỹ năng chế tạo sản phẩm kỹ thuật đơn giản.</i>	- 5,8
104	<i>- Trẻ phác thảo được đối tượng... bằng..; tạo được hình đối tượng...từ các kỹ thuật...và nguyên vật liệu...xây dựng được các bước thiết kế.../sáng tạo.../chế tạo.../làm...bằng kỹ thuật...(E).</i>	<i>- Trẻ có khả năng thể hiện sự sáng tạo trong các hoạt động chế tạo sản phẩm</i>	- 5,8